

HÀNH VI ỨNG XỬ TRONG CÁC MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI CỦA THANH THIẾU NIÊN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài: *Trí tuệ cảm xúc và mối quan hệ của nó với hành vi xã hội của thanh thiếu niên*; Mã số: VI1.1-2013.12; PGS.TS. Phan Thị Mai Hương làm chủ nhiệm.

PGS.TS. Phan Thị Mai Hương

Trưởng phòng Phòng Tâm lý học thực nghiệm, Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Bài viết quan tâm đến các kiểu hành vi ứng xử của thanh thiếu niên trong các mối quan hệ xã hội. 1.120 học sinh, trong đó có 41,9% nam, từ lớp 7 đến lớp 11 tại 6 tỉnh/thành phố tham gia vào nghiên cứu với tuổi trung bình là 14,22. Kết quả cho thấy, từ góc độ xây dựng, duy trì/phá hủy mối quan hệ, có 3 kiểu hành vi chủ yếu: dương tính, âm tính và trung tính. Nghiên cứu cũng chỉ ra những yếu tố có liên quan đến việc thực hiện các hành vi này, đặc biệt phân tích sâu về hành vi âm tính của trẻ. Đó là các yếu tố giới tính của con, học vấn của cha mẹ và kích cỡ thành phố nơi trẻ sinh sống. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa cho việc hiểu rõ hơn hành vi của trẻ để có hướng giáo dục, rèn luyện hành vi thích hợp.

Từ khóa: *Hành vi; Hành vi dương tính; Hành vi âm tính; Quan hệ xã hội; Thanh thiếu niên.*

Ngày nhận bài: 22/4/2016; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2016.

Mở đầu

Tuổi thanh thiếu niên (hay còn gọi là vị thành niên) là giai đoạn tuổi mà sự phát triển xã hội diễn ra vượt bậc so với giai đoạn trước đó. Sự phát triển này được gắn liền với các mối quan hệ xã hội của chúng. Hành vi ứng xử trong các mối quan hệ xã hội của trẻ là một kiểu của hành vi xã hội nói chung, là những hành vi hướng đến người khác. Những hành vi này thể hiện kỹ năng xã hội của trẻ nhưng đồng thời nó có ý nghĩa rất lớn trong việc thiết lập, duy trì hay phá vỡ mối quan hệ.

Quan hệ xã hội được hiểu là mối quan hệ với những người khác và có tính tương tác. Biết một ai đó mà chưa có sự trao đổi tương tác thì không hình thành một mối quan hệ. Ở lứa tuổi thanh thiếu niên, các mối quan hệ xã hội chính được xác

định gồm quan hệ bạn bè, quan hệ gia đình (cha mẹ, ông bà, anh chị em) và quan hệ với người lớn khác ngoài gia đình (thầy cô, hàng xóm...) (Hair và các cộng sự, 2002), trong đó, quan hệ bạn bè chiếm vị trí trung tâm. Có thể thấy, đó là những mối quan hệ với những người khá gần gũi với xã hội của trẻ: gia đình, trường học, cộng đồng. Hành vi tương tác của trẻ trong các mối quan hệ này thể hiện kỹ năng ứng xử xã hội của trẻ.

Criss và cộng sự (2002) đã tổng kết rằng, sự chấp nhận của bạn bè (là thành viên trong mối quan hệ bạn bè) có mối quan hệ nghịch với hành vi bất nạt. Khi trẻ được bạn bè chấp nhận, chúng sẽ ít thực hiện các hành vi xâm kích, ngay cả khi trẻ có xu hướng hành vi chống đối xã hội. Ông cũng chỉ ra rằng, khi học sinh có mối quan hệ tốt với giáo viên, chúng không muốn làm giáo viên thất vọng bởi hành vi bất nạt bạn bè của chúng. Điều đó làm hạn chế các hành vi xâm kích của chúng. Ngoài ra, khi có tương tác tích cực với bạn bè thì trẻ cũng tương tác tích cực với những người khác. Như thế, các mối quan hệ xã hội tích cực của trẻ trong phạm vi hẹp có mối liên quan chặt chẽ với các hành vi ứng xử nói chung của trẻ trong các mối quan hệ xã hội khác rộng hơn.

Tìm hiểu các kiểu hành vi xã hội của thanh thiếu niên thông qua các thang đo, các chỉ báo, các trắc nghiệm... đã được sử dụng. Có thể thấy những kiểu hành vi cụ thể như hành vi ủng hộ xã hội, hành vi giúp đỡ, hành vi bạo lực, hành vi nguy cơ, hành vi sức khỏe, hành vi giao tiếp... Theo một chiều cạnh khác, có thể phân thành các kiểu hành vi dương tính (Polit, 1998), hành vi âm tính. Sự phân chia hành vi khá đa kiểu, tùy thuộc từng vấn đề và từng bối cảnh nghiên cứu hay đo lường.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc trẻ thực hiện hành vi dương tính hay âm tính, có thể là cha mẹ, bạn bè và các yếu tố môi trường khác. Ví dụ, cha mẹ có nhiều thời gian giám sát con cái thì con cái ít tham gia vào các hành vi có nguy cơ hơn (Christopher và cộng sự, 1993; Donovan và cộng sự, 1985). Cha mẹ cũng có ảnh hưởng đến việc trẻ chọn bạn cũng như việc trẻ tham gia và các hành vi có vấn đề (hút thuốc, uống rượu, dùng ma túy, hành vi tình dục có nguy cơ...).

Trong nghiên cứu về sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị về khả năng thực hiện hành vi ủng hộ xã hội của sinh viên Negeria. Afolabi (2014) chỉ ra rằng, ở thành phố lớn, nơi dân cư đông đúc thì sinh viên thực hiện các hành vi giúp đỡ ít hơn người sống ở nông thôn, nơi dân cư ít hơn. Khuyết tẩn trách nhiệm cá nhân ở nơi đông dân cư là yếu tố giải thích cho hiện tượng này.

Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy, sự khác biệt về giới trong thực hiện hành vi ủng hộ xã hội, trong đó nữ có xu hướng thực hiện nhiều hơn nam (Afolabi, 2013; Rushton, 1982; Pursell và cộng sự, 2008) hoặc trong một số tình huống nguy cấp thì nam thực hiện nhiều hơn nữ (Dovidio và cộng sự, 1991). Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt này ở nam và nữ trong các hoạt động tình nguyện (Chou, 1998).

Có thể thấy, hành vi xã hội của trẻ và các yếu tố ảnh hưởng đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau, có thể tìm thấy trong nhiều tài liệu các kiểu hành vi xã hội nói chung, cả dương tính và âm tính. Tuy nhiên, những hành vi ứng xử được thể hiện trong các mối quan hệ xã hội của trẻ thì vẫn còn khá ít. Những chỉ báo về hành vi dương tính hay hành vi âm tính mà trẻ thể hiện trong các mối quan hệ xã hội này còn chưa được nghiên cứu nhiều. Mặt khác, kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi xã hội/ứng xử của trẻ trong các mối quan hệ cũng còn khá đa chiều. Ảnh hưởng của cha mẹ được đề cập đến khá chung chung mà chưa chỉ rõ học vấn của cha mẹ có liên quan gì đến hành vi ứng xử của trẻ hay không. Ảnh hưởng của môi trường đô thị hay nông thôn đến hành vi ứng xử của trẻ đã được phát hiện trong nghiên cứu đã đề cập ở trên nhưng ảnh hưởng của thành phố với các kích cỡ khác nhau thì chưa được tìm hiểu. Vì thế, nghiên cứu này được tiến hành nhằm chỉ ra các kiểu hành vi ứng xử xã hội của trẻ và chỉ ra những yếu tố có liên quan đến hành vi đó như kích cỡ thành phố, học vấn của cha mẹ, giới tính và tuổi của con.

Phương pháp

Mẫu nghiên cứu: Mẫu nghiên cứu gồm 1.120 học sinh với tuổi trung bình là 14,22 đang học các lớp từ 7 đến 11 tại 12 trường phổ thông ở 6 địa bàn thành phố là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên - Huế, Đồng Hà (Quảng Trị), Ninh Bình và Bến Tre. Tỷ lệ nam chiếm 41,9%.

Công cụ nghiên cứu: Công cụ nghiên cứu chủ yếu là thang đo hành vi ứng xử trong các mối quan hệ xã hội của thanh thiếu niên. Thang đo gồm 21 item mô tả các hành vi ứng xử của trẻ trong các mối quan hệ với người khác.

Phân tích dữ liệu: Nghiên cứu sử dụng phép phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phương pháp phân tích thành phần chính (principle components) để phát hiện các kiểu hành vi chủ yếu từ bộ dữ liệu. Hệ số tải nhân tố của mỗi item được xác định là lớn hơn 0,4¹.

Các kiểu hành vi phát hiện từ phân tích yếu tố sau đó được tính điểm bằng trung bình cộng của điểm các item trong từng yếu tố. Theo thang điểm đã cho, điểm thấp nhất là 1 và điểm cao nhất là 5, trong đó, điểm càng thấp, càng thể hiện cá nhân không có kiểu hành vi đang được đề cập đến và điểm càng cao, càng thể hiện cá nhân càng có những hành vi đó một cách hệ thống và rõ ràng.

¹Theo đề xuất của nhiều tác giả, hệ số $< 0,3$ được coi là tương quan yếu trong nhiều trường hợp, trong đó có hệ số tải nhân tố. Vì thế, những item có hệ số tải $< 0,3$ thì được coi là có tương quan yếu với nhân tố và không được xếp vào nhân tố đó. Hệ số này càng lớn, càng thể hiện mối tương quan chặt chẽ với yếu tố. Trong nghiên cứu này, để đảm bảo mối liên quan chặt chẽ về nội dung của từng yếu tố, chúng tôi chọn mức 0,4 làm ngưỡng để lựa chọn các item vào nhân tố. Những item có hệ số tương quan với nhân tố $< 0,4$ với tất cả các nhân tố sẽ được coi là tương quan yếu.

Để tìm hiểu mối quan hệ giữa các kiểu hành vi, hệ số tương quan Pearson đã được tính toán với điểm trung bình của các kiểu hành vi². Kiểm định T-test và Oneway-Anova được sử dụng để so sánh sự khác biệt về hành vi trong quan hệ xã hội của trẻ theo các lát cắt khác nhau: giới tính, tuổi, bậc học, kích cỡ thành phố và trình độ học vấn của cha mẹ. Ở đây, kích cỡ thành phố được hiểu là độ lớn của thành phố ở hai mặt: về dân cư và về diện tích. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được coi là những thành phố lớn so với các thành phố khác trong nghiên cứu này là thành phố nhỏ. Học vấn của cha và mẹ không chỉ được xem xét một cách độc lập mà còn tính đến sự kết hợp giữa học vấn của cha và mẹ bởi dựa con là sản phẩm giáo dục của cả cha và mẹ. Nghiên cứu muốn xem xét sự kết hợp này có liên quan đến hành vi ứng xử của con như thế nào. Học vấn của cha mẹ được chia thành 2 nhóm (phổ thông và trên phổ thông). Ngoài ra, nghiên cứu cũng sử dụng phân tích đa biến với phép phân tích phương sai 2 và 3 yếu tố để tìm hiểu về tác động của tập hợp nhiều yếu tố đến hành vi ứng xử trong mối quan hệ xã hội của trẻ: đó là các yếu tố học vấn của cha mẹ, tuổi của con và thành phố nơi trẻ đang sinh sống.

Kết quả

Các kiểu hành vi ứng xử

Kết quả phân tích nhân tố với phép xoay Varimax cho thấy, dữ liệu được tập hợp thành 3 nhân tố chính khá tập trung với hệ số tải vào nhân tố của các mệnh đề đều > 0,4. Ba nhân tố giải thích được tổng cộng 42,23% cho biến thiên của toàn bộ dữ liệu. Dữ liệu ở bảng 1 cũng cho thấy, mỗi item chỉ tải chủ yếu vào 1 yếu tố. Hệ số tải nhân tố của mỗi item với các yếu tố khác là khá nhỏ, thể hiện mối tương quan rất yếu với các nhân tố khác.

Hai item có hệ số tải lớn hơn giá trị tuyệt đối của 0,3 vào 2 yếu tố và nó sẽ được sắp xếp vào yếu tố nào có hệ số tải nhân tố lớn hơn.

Bảng 1: Các kiểu hành vi ứng xử trong quan hệ xã hội của thanh thiếu niên

Các hành vi ứng xử	Yếu tố 1	Yếu tố 2	Yếu tố 3
Thể hiện tình cảm quý mến	0,667	-0,044	-0,031
Hãy giúp đỡ mọi người	0,655	-0,011	0,164
Đổi xử chân thành	0,644	-0,082	0,194
Vui vẻ với mọi người	0,638	-0,050	0,008
Cố gắng hiểu người xung quanh	0,629	-0,032	-0,086
Tôn trọng người xung quanh	0,616	-0,105	0,188

² Về nguyên tắc, có thể sử dụng nhân số của mỗi nhân tố để tính hệ số tương quan này. Tuy nhiên, nghiên cứu này thống nhất sử dụng điểm trung bình của các yếu tố.

Biết thông cảm với người khác	0,552	-0,069	0,235
Chủ động nói chuyện, kết nối	0,523	-0,020	-0,168
Biết nhường nhịn	0,421	-0,097	0,287
Nói dối	-0,103	0,695	-0,113
Hay chỉ trích, phê phán người khác	0,001	0,648	-0,097
Không quan tâm mọi người	-0,333	0,631	0,156
Khi tranh luận, cố gắng thắng cuộc	0,141	0,602	-0,148
Không thích gần gũi người khác	-0,266	0,556	0,349
Không nói xấu người khác	-0,010	-0,103	0,703
Không gây cãi cọ, xích mích	0,185	0,059	0,603
Không xúi bẩy người khác làm điều xấu	0,076	-0,060	0,592

Như vậy, có 3 yếu tố được rút ra với số item ở yếu tố thứ nhất là 9; ở yếu tố thứ 2 là 5 và ở yếu tố thứ 3 là 3. Số lượng các item ở mỗi yếu tố là khá chênh lệch, vì thế, điểm so sánh sẽ dùng điểm trung bình chứ không dùng điểm tổng của các item trong cùng một yếu tố.

Yếu tố 1: Hành vi dương tính

Yếu tố này tập trung những item liên quan đến việc thể hiện tình cảm quý mến, giúp đỡ, đối xử chân thành, vui vẻ, hiểu, tôn trọng, biết thông cảm, biết nhường nhịn và chủ động gặp gỡ, nói chuyện với mọi người. Chúng đều là biểu hiện của những hành vi hướng đến việc xây dựng và duy trì mối quan hệ với người khác. Để có được một mối quan hệ tốt đẹp, dù ở bất cứ lứa tuổi nào cũng không thể thiếu những hành vi này. Vì thế, yếu tố này được đặt tên là *hành vi dương tính*.

Yếu tố 2: Hành vi âm tính

Những item tập trung vào yếu tố này có nội dung liên quan đến các hành vi như nói dối, hay chỉ trích, phê phán người khác, không quan tâm, không gần gũi người khác, hiểu thắng. Đây là những hành vi có xu hướng không duy trì mà thậm chí còn dẫn đến phá vỡ mối quan hệ. Về bản chất, nó đối lập với những hành vi ở yếu tố 1. Những hành vi trên, khi được thực hiện, dễ gây cảm giác khó chịu cho người khác hoặc không khiến người khác thích thú và vì thế thường khó duy trì một mối quan hệ lâu dài, bền chặt. Chúng có thể được gọi là *hành vi âm tính*.

Yếu tố 3: Hành vi trung tính

Cả 3 item tập trung vào yếu tố này đều thể hiện xu hướng không thực hiện những hành vi xấu như không nói xấu, không gây cãi cọ, xích mích, không xúi bẩy người khác làm điều xấu. Chúng không thể hiện rõ xu hướng sẽ thực hiện những hành vi tích cực hay tiêu cực. Vì thế, yếu tố này được đặt tên là *hành vi trung tính*.

Mối quan hệ giữa các kiểu hành vi

Phân tích tương quan giữa các kiểu hành vi trong quan hệ với người khác của thanh thiếu niên, kết quả cho thấy hành vi dương tính và hành vi âm tính có mối tương quan nghịch với hệ số tương quan Pearson $r = -0,23$ ($p < 0,001$) và có quan hệ thuận với hành vi trung tính với $r = 0,19$ ($p < 0,001$). Trong khi đó, hành vi âm tính không có quan hệ tuyến tính với hành vi trung tính ($r = -0,03$; $p > 0,05$).

Kết quả này, trước tiên có thể diễn giải như sau: những học sinh có nhiều hành vi dương tính như thể hiện tình cảm quý mến, vui vẻ, thông cảm với mọi người, biết nhường nhịn, giúp đỡ, thấu hiểu người khác... thì cũng có ít các hành vi âm tính như chỉ trích, phê phán người khác, hiểu nhầm, thiếu quan tâm, gằn gữ với mọi người... trong các mối quan hệ với người khác và ngược lại, những học sinh có ít hành vi dương tính thì thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn. Mặt khác, dữ liệu cũng cho thấy, những cá nhân thực hiện nhiều hành vi dương tính thì cũng có xu hướng thực hiện các hành vi trung tính như không gây cãi cọ, xích mích, không nói xấu và xúi bẩy người khác làm điều xấu và ngược lại. Tuy nhiên, hệ số tương quan giữa các kiểu hành vi được nói ở trên đều thấp, $< 0,3$ về giá trị tuyệt đối nên có thể thấy đó là các mối tương quan yếu, thể hiện mối quan hệ lỏng lẻo giữa các kiểu hành vi này. Về ý nghĩa, có thể hiểu rằng đứa trẻ hoàn toàn có thể thực hiện hành vi kiểu này nhiều hơn nhưng không có nghĩa chúng sẽ không thực hiện các hành vi kiểu khác. Mối tương quan nghịch nhưng yếu giữa hành vi âm tính và hành vi dương tính cho thấy một xu hướng như vậy. Các kiểu hành vi này, về bản chất, là trái ngược nhau: Một kiểu hướng đến việc xây dựng mối quan hệ, còn kiểu kia có khuynh hướng đe dọa việc duy trì mối quan hệ. Tuy nhiên, ở trẻ vị thành niên, chúng không hoàn toàn triệt tiêu nhau mà được trẻ thực hiện ở các mức độ khác nhau. Rất có thể, hành vi trong các mối quan hệ xã hội chưa trở thành thiên hướng ổn định ở lứa tuổi vị thành niên.

Trên thực tế cuộc sống, nhiều khi đứa trẻ thể hiện là người hay giúp đỡ bạn bè, biết thông cảm và hiểu những người xung quanh. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, nó cũng có thể không quan tâm, không thích gằn gữ người khác hoặc hay hiểu nhầm khi tranh luận. Như thế, đứa trẻ có xu hướng thực hiện những hành vi xây dựng mối quan hệ nhưng đôi lúc nó cũng thực hiện những hành vi làm suy giảm mối quan hệ đã có hoặc không thể thiết lập một mối quan hệ mới do những khởi đầu để lại ấn tượng không hay. Hoặc cũng có trường hợp, các hành vi có thể mang tính xây dựng với một số đối tượng này nhưng lại mang tính phá vỡ với một số đối tượng khác. Sự tương đồng giữa những người bạn là kết quả đã được tìm thấy ở nhiều nghiên cứu khác nhau. Các nghiên cứu đã cho thấy nhóm bạn thường có những đặc điểm giống nhau, ví dụ sự giống nhau giữa những bạn cùng hút thuốc (Engels và các cộng sự, 2004), sự tương đồng về giới, tuổi và nơi sinh sống (Gustavo và cộng sự, 2000), sự giống nhau về đặc điểm nhân khẩu xã hội và nhân cách (Kandel, 1978)... Các nghiên cứu này cũng cho thấy sự tương đồng về đặc điểm đối tượng làm tình bạn trở nên gằn gữ hơn giữa trẻ vị thành niên. Sự lựa chọn tính

tương đồng trong kết bạn ở tuổi vị thành niên là đặc điểm khá nổi bật và các hành vi dương tính được thể hiện trong sự tương đồng đó.

Số liệu so sánh 3 kiểu hành vi cho thấy, trong 3 kiểu hành vi ở trên, thanh thiếu niên có những biểu hiện rõ hơn ở hành vi dương tính (ĐTB > 3), ít khi thể hiện hành vi âm tính (ĐTB < 3) và xu hướng không phân định rõ hành vi theo hướng nào của các hành vi trung tính (ĐTB = 3). So sánh độ lệch chuẩn của 3 kiểu hành vi cho thấy, tính thống nhất cao hơn của các em ở hành vi dương tính và sự khác biệt rõ hơn ở hành vi trung tính. Điều đó có nghĩa là thanh thiếu niên tương đối như nhau ở mức độ thể hiện hành vi dương tính nhưng khác biệt ở mức độ nhất định trong thể hiện các hành vi trung tính.

Bảng 2: Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của các kiểu hành vi

Kiểu hành vi	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Hành vi dương tính	3,718	0,598
Hành vi âm tính	2,214	0,734
Hành vi trung tính	3,073	0,871

So sánh hành vi ứng xử của trẻ trong các mối quan hệ xã hội

So sánh các kiểu hành vi ứng xử theo các lát cắt giới tính, cấp học, địa bàn sinh sống và học vấn của cha mẹ, kết quả cho thấy không có sự khác biệt về hành vi dương tính và hành vi trung tính theo các lát cắt này ở thanh thiếu niên. Có thể thấy, mức độ thực hiện các kiểu hành vi này là khá tương đồng dù các em là nam hay nữ, đang học ở cấp học trung học cơ sở hay trung học phổ thông, là con của cha mẹ có học vấn cao hay thấp và đang sống ở thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hay các thành phố nhỏ khác. Tuy nhiên, có sự khác biệt khá rõ rệt giữa các em về mức độ thực hiện hành vi âm tính, những loại hành vi có xu hướng phá hủy mối quan hệ của các em với người khác. Số liệu về sự khác biệt này được hiển thị ở bảng 3.

Bảng 3: So sánh hành vi âm tính của trẻ theo các lát cắt (Điểm trung bình và độ lệch chuẩn)

Các lát cắt		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Giới tính	Nam	2,309	0,760	0,001
	Nữ	2,146	0,710	
Địa bàn	Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh	2,381	0,730	0,000
	Các thành phố nhỏ	2,132	0,725	

Học vấn của cha	Phổ thông	2,134	0,723	0,000
	Trên phổ thông	2,298	0,739	
Học vấn của mẹ	Phổ thông	2,145	0,729	0,001
	Trên phổ thông	2,305	0,735	
Kết hợp học vấn của cha mẹ	Cùng học vấn phổ thông	2,126	0,729	0,001
	Cùng học vấn trên phổ thông	2,311	0,743	
	Cha thấp hơn mẹ	2,238	0,669	
	Cha cao hơn mẹ	2,246	0,730	

Số liệu cho thấy, trên tổng thể, các học sinh nam thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn học sinh nữ trong các mối quan hệ với người khác. Và xu hướng này là không thay đổi ở tất cả các khối lớp và tương ứng là ở tất cả các lứa tuổi. Sự khác biệt này được quan sát thấy ở tất cả các hành vi âm tính được khảo sát, trong đó, hành vi mà học sinh nam thể hiện nhiều hơn nữ nhất là cố gắng để mình thắng cuộc trong các cuộc tranh luận và nói dối. Nghiên cứu chưa đề cập đến đặc trưng giới trong hành vi quan hệ xã hội nhưng những khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới trong việc thực hiện những hành vi âm tính trong các quan hệ xã hội là một bằng chứng về đặc trưng này.

So sánh loại hành vi này ở học sinh các thành phố lớn (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) với các thành phố nhỏ khác (Thừa Thiên - Huế, Ninh Bình, Bến Tre, Quảng Trị), kết quả cho thấy rằng học sinh ở thành phố lớn thực hiện nhiều hành vi âm tính trong quan hệ xã hội hơn học sinh ở các thành phố nhỏ. Trong số các loại hành vi âm tính được đề cập thì việc chấp nhận nói dối là bình thường được biểu hiện rõ rệt nhất ở thanh thiếu niên sống ở các thành phố lớn. Trong nghiên cứu của Afolabi (2014), kết quả về sự khác biệt giữa các khu vực khác nhau về hành vi ủng hộ xã hội được giải thích bằng sự khuyếch tán trách nhiệm. Tuy nhiên, rất có thể thành phố lớn là nơi có mật độ dân số cao. Sự đông dân khiến cho việc kiểm soát xã hội bị suy giảm, mối quan hệ của con người cũng thiếu chặt chẽ hơn và do đó, hành vi âm tính cũng được thực hiện nhiều hơn.

Xem xét tác động của trình độ học vấn của cha mẹ đến việc thực hiện hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của con ở tuổi vị thành niên, kết quả so sánh cho thấy xu hướng là con cái của cha hay mẹ (xem xét một cách độc lập) có trình độ học vấn cao hơn thì thực hiện các hành vi này nhiều hơn. Con của cha có trình độ học vấn cao hơn thì thể hiện tính hiếu thắng và nói dối cao hơn còn con của mẹ có trình độ học vấn cao hơn thì thể hiện nói dối nhiều hơn một cách rõ rệt. Nếu như ở lát cắt giới tính và kích cỡ thành phố nơi trẻ sinh sống, sự khác biệt quan sát thấy ở tất cả các loại hành vi âm tính thì ở lát cắt trình độ học vấn của cha hay trình độ học vấn của mẹ, sự khác biệt chỉ thấy ở hành vi nói dối, hiếu thắng và hay chỉ trích người khác.

Kết hợp học vấn của cha và mẹ thì con cái của cha mẹ có cùng học vấn trên trình độ phổ thông thực hiện hành vi âm tính trong mối quan hệ với người khác nhiều hơn, sau đó đến con của cha mẹ có trình độ học vấn khác nhau (học vấn của cha hơn mẹ hoặc của mẹ hơn cha) thực hiện ít hơn. Còn con của cha mẹ có cùng trình độ học vấn phổ thông thì thực hiện ít nhất các loại hành vi này.

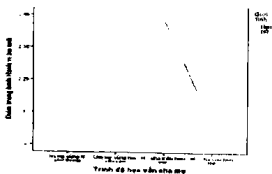
Có thể thấy, giới tính, kích cỡ của thành phố nơi trẻ sinh sống và học vấn của cha mẹ có mối quan hệ chặt chẽ với các hành vi âm tính trong quan hệ xã hội như hay chỉ trích, phê phán người khác, không quan tâm, gán gũ người khác, nói dối và hiểu thẳng của thanh thiếu niên. Trong khi đó, các yếu tố như tuổi, cấp học lại không có mối quan hệ mạnh với việc thực hiện các hành vi này của trẻ (trừ một khía cạnh nhỏ: mức độ không thích gán gũ người khác ở trẻ bậc trung học phổ thông lớn hơn trẻ ở bậc trung học cơ sở). Sự khác biệt biểu hiện rõ rệt nhất ở hành vi nói dối, hiểu thẳng và chỉ trích, phê phán người khác.

Phân tích đa biến các yếu tố tác động đến hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của thanh thiếu niên

Tác động của giới tính của con và học vấn của cha mẹ

Nếu như các phép so sánh ở trên chỉ xem xét ảnh hưởng của một yếu tố đến hành vi âm tính của trẻ thì dưới đây, ta sẽ xem xét kĩ hơn ảnh hưởng của sự tương tác giữa các yếu tố này đến các hành vi âm tính qua phân tích đa biến với phép phân tích phương sai 2 và 3 nhân tố.

Cụ thể, ở đây, ta sẽ xem, liệu tác động đồng thời của giới tính của con và trình độ học vấn của cha mẹ đến hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ có ý nghĩa hay không.



Biểu đồ 1: Hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của nam và nữ theo trình độ học vấn của cha mẹ

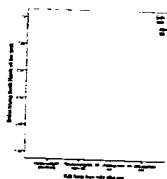
Biểu đồ 1 cho thấy rõ điểm số của hành vi âm tính của nam và nữ tương ứng với sự kết hợp trình độ học vấn của cha mẹ. Ta thấy xu hướng là trong gia đình mà cha mẹ có cùng trình độ học vấn (cùng bậc phổ thông hoặc cùng bậc trên

phổ thông) và trong gia đình mà học vấn của cha thấp hơn mẹ thì con trai có biểu hiện về hành vi âm tính cao hơn trong quan hệ ứng xử với người khác so với con gái. Nhưng trong gia đình mà cha có trình độ học vấn cao hơn mẹ thì lại có chiều hướng ngược lại, nữ có xu hướng thực hiện hành vi âm tính nhiều hơn nam. Tương tác giữa trình độ học vấn của cha mẹ với giới tính của con ảnh hưởng một cách có ý nghĩa đến hành vi âm tính của con trong quan hệ ứng xử với mọi người ($F = 4,724$; $df = 3$; $p = 0,003 < 0,05$).

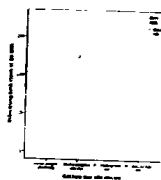
Như vậy, hành vi âm tính của con trai hay con gái là không ổn định mà thay đổi theo học vấn của cha mẹ. Cụ thể, trình độ học vấn của người cha cao hơn người mẹ là yếu tố làm cho thay đổi khuôn mẫu hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ nữ, khiến cho trẻ nữ thực hiện nhiều hơn hành vi âm tính so với trẻ nam trong cùng điều kiện về học vấn của cha mẹ.

Tác động của giới tính, tuổi của con, trình độ học vấn của cha mẹ

Câu hỏi tiếp theo được đặt ra là: liệu xu hướng được phát hiện ở trên có khác nhau ở trẻ học ở các lứa tuổi khác nhau hay không (cụ thể là nhóm tuổi 13 - 15 ở bậc trung học cơ sở và nhóm tuổi 16 - 17 ở bậc trung học phổ thông). Kết quả cho thấy rằng, xu hướng đó là không đổi nhưng mức độ khác biệt ở mỗi lứa tuổi không như nhau.



2.1. Từ 13 - 15 tuổi



2.2. Từ 16 - 17 tuổi

Biểu đồ 2: Hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của nam và nữ ở các bậc học theo trình độ học vấn của cha mẹ

Biểu đồ 2 hiển thị mối quan hệ đa biến này, trong đó, biểu đồ 2.1. thể hiện hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của nam và nữ ở nhóm tuổi 13 - 15 theo học vấn của cha mẹ, còn biểu đồ 2.2. là ở nhóm tuổi 16 - 17. Ta thấy xu hướng không đổi ở hai biểu đồ này, thể hiện tương tác giữa ba biến số: giới tính của con, học vấn của cha mẹ và nhóm tuổi của con không làm thay đổi xu hướng thực hiện hành vi âm tính của trẻ ($F = 0,794$; $df = 3$; $p = 0,497 > 0,05$). Cụ thể là hành vi âm tính của nam vẫn cao hơn nữ trong các gia đình có cha mẹ cùng trình độ học vấn hoặc học vấn của mẹ cao hơn cha. Nhưng trong gia đình mà học vấn của cha cao

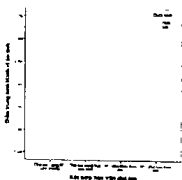
hơn mẹ thì hành vi âm tính của trẻ nữ cao hơn trẻ nam (có ý nghĩa về mặt thống kê, $p < 0,01$).

Tuy nhiên, khoảng cách giữa các đường hiển thị ở hai biểu đồ là không như nhau cho thấy, mức độ khác biệt này không như nhau ở những trẻ ở các nhóm tuổi khác nhau. Biểu đồ 2.1. cho thấy, sự khác biệt giữa nam và nữ là khá lớn ở các gia đình mà học vấn của cha mẹ có cùng học vấn phổ thông hoặc cha mẹ có học vấn khác nhau nhưng ở trường hợp cha mẹ có cùng học vấn cao thì sự khác biệt này lại không rõ nét. Đặc biệt, mức độ thực hiện hành vi âm tính của học sinh nữ cao hơn học sinh nam trong trường hợp học vấn của cha cao hơn mẹ. Biểu đồ này cũng cho thấy, con của cha mẹ có trình độ học vấn cao thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn con của cha mẹ các nhóm trình độ học vấn khác. Trong khi đó, ở biểu đồ 2.2., tức là ở nhóm học sinh 16 - 17 tuổi, sự khác biệt giữa trẻ nam và trẻ nữ là khá đồng đều ở tất cả các trình độ học vấn của cha mẹ (các đường biểu diễn có độ dốc gần tương đương nhau). Nhưng ở tuổi này, con của gia đình mà trình độ học vấn của cha thấp hơn mẹ lại thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn cả.

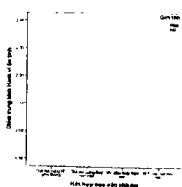
Nhìn chung, tương tác giữa giới tính của con và trình độ học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng rõ nét đến việc thực hiện hành vi âm tính của thanh thiếu niên ở cả 2 nhóm tuổi được khảo sát nhưng với mức độ không như nhau.

Tác động của giới tính của con, học vấn của cha mẹ và kích cỡ thành phố

Kết quả của tác động này được hiển thị ở biểu đồ 3. Hình ảnh trên biểu đồ cho thấy sự khác biệt rõ nét giữa hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ nam theo học vấn của cha mẹ ở các thành phố có kích cỡ khác nhau. Trong mối quan hệ đa biến này, tác động chính (main effect) của thành phố đến việc thực hiện hành vi âm tính trong các mối quan hệ xã hội của trẻ có ý nghĩa về mặt thống kê ($F = 10,29$; $df = 1$ và $p = 0,001$).



3.1. Thành phố lớn



3.2. Thành phố nhỏ

Biểu đồ 3: Hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ nam và trẻ nữ ở các thành phố theo trình độ học vấn của cha mẹ

Biểu đồ cho thấy rõ ràng, nếu như ở các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hầu như trẻ nam có hành vi âm tính nhiều hơn trẻ nữ là một xu hướng chung đối với mọi kết hợp học vấn của cha và mẹ (trừ trường hợp học vấn của cha cao hơn mẹ thì nam và nữ có xu hướng tương đương nhau về hành vi âm tính) thì ở các thành phố nhỏ (Quảng Trị, Ninh Bình, Thừa Thiên - Huế, Bến Tre), trẻ nữ lại có hành vi âm tính cao hơn hẳn trẻ nam trong những gia đình mà trình độ học vấn của cha cao hơn mẹ. Có thể thấy, kích cỡ thành phố, cụ thể là thành phố lớn, đồng nghĩa với đông dân cư hơn, làm cho sự khác biệt về hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ nam và trẻ nữ thay đổi hẳn hướng ở những gia đình có học vấn của cha cao hơn của mẹ.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, ba kiểu hành vi ứng xử trong quan hệ với người khác của thanh thiếu niên. Đó là hành vi dương tính với xu hướng xây dựng, duy trì mối quan hệ, hành vi âm tính với xu hướng phá hủy mối quan hệ và hành vi trung tính. Các kiểu hành vi này có những biểu hiện có tương quan với nhau nhưng khá yếu, cho thấy sự đan xen giữa các hành vi này ở từng lứa trẻ.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, không có sự khác biệt trong thực hiện các hành vi dương tính và trung tính ở trẻ nhưng có sự khác biệt khá rõ nét về thực hiện hành vi âm tính theo giới tính, theo trình độ học vấn của cha mẹ và theo kích cỡ thành phố nơi trẻ sinh sống. Trong đó, trẻ nam thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn trẻ nữ; trẻ trong gia đình có cha hay mẹ có học vấn trên phổ thông thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn trẻ trong gia đình mà cha mẹ có trình độ học vấn phổ thông; trẻ ở thành phố lớn thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn trẻ ở thành phố nhỏ.

Xem xét cụ thể tác động đồng thời của giới tính của con, trình độ học vấn của cha mẹ, cấp học của trẻ và kích cỡ thành phố nơi trẻ sinh sống cho thấy rằng, trình độ học vấn của cha cao hơn mẹ có tác động đến việc thực hiện hành vi âm tính của trẻ nam và trẻ nữ, trong đó làm tăng hành vi âm tính của trẻ nữ và làm giảm hành vi âm tính của trẻ nam. Trình độ học vấn của cha mẹ cũng có xu hướng làm thay đổi mức độ thực hiện kiểu hành vi này của trẻ theo các cấp học khác nhau. Kích cỡ thành phố cũng có tác động đến việc làm thay đổi khuôn mẫu hành vi âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ nữ theo học vấn của cha mẹ, trong đó trẻ nữ ở thành phố lớn và cha của chúng có học vấn cao hơn mẹ thì thực hiện nhiều hành vi âm tính hơn trẻ nam.

Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa trong việc phát hiện những hành vi đặc trưng trong mối quan hệ xã hội của thanh thiếu niên và tác động của các yếu tố nhân khẩu, xã hội, địa lý đến chúng. Một trong những hạn chế của nghiên cứu là chưa quan tâm đến tác động của các kiểu hành vi này đến chất lượng các mối quan hệ của trẻ, đặc biệt là quan hệ bạn bè, một kiểu quan hệ mà trẻ được chủ động lựa chọn, thiết lập và duy trì. Vì thế, rất cần những nghiên cứu tiếp theo để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

1. Afolabi O.A., *Psychological predictors of prosocial behaviour among a sample of Nigerian undergraduates*, European Scientific Journal January 2014 edition Vol.10, No. 2, ISSN: 1857- 7881 (Print) e- ISSN: 1857- 7431, 2014.
2. Afolabi O.A., *Roles of personality types emotional intelligence and gender differences in prosocial behavior*, <http://psycyct.psychopen.eu/article/view/53/49/>, 2013.
3. Chou K.L., *Effects of age, gender and participation in volunteer activities on the altruistic behavior of Chinese adolescents*, The Journal of Genetic Psychology, 159, 195 - 201, Doi: 10.1080/00221329809596145, 1998.
4. Criss M.M., Pettit G.S., Bates J.E., Dodge K.A. & Lapp A.L., *Family adversity, positive peer relationships and children's externalizing behavior: A longitudinal perspective on risk and resilience*, Child Development, 73, 1.220 - 1.237, 2002.
5. Dovidio J.F., Piliavin J.A., Gaertner S.L., Schroeder D.A. & Clark R.D., *The arousal: Cost-reward model and the process of intervention: A review of the evidence*, In M.S. Clark (Ed.), Review of Personality and Social Psychology, Vol. 12, Pro-social behavior (pp. 86 - 118), Newbury Park, CA: Sage, III. (1991).
6. Engels Rutger C.M.E., Frank Vitaro, Endy Den Exter Blokland, Raymond de Kemp, Ron H.J. Scholte, *Influence and selection processes in friendships and adolescent smoking behaviour: The role of parental smoking*, Journal of Adolescence, Vol. 27, Issue 5, pp. 531 - 544, 2004.
7. Gustavo S. Mesch and Ilan Talmud, *Similarity and Quality of Social Relationships among Adolescents*, The University of Haifa, Israel, <http://soc.haifa.ac.il/talmud/Homophilydyads.pdf>, 2000.
8. Kandel, Denise B., *Similarity in real-life adolescent friendship pairs*, Journal of Personality and Social Psychology, Vol. 36 (3), Mar 1978, pp. 306 - 312, <http://dx.doi.org/10.1037/0022-3514.36.3.306>, 1978.
9. Hair E.C., Jager J., Garrett S.B. (2002), *Helping Teens Develop Healthy Social Skills and Relationships: What the Research Shows about Navigating Adolescence*, Trend child research brief, http://www.hhs.gov/ash/oah/oah-initiatives/ta/paf_training2_healthysocialskills.pdf, July, 2002.
10. Rushton J.P., *Social Learning Theory and the development of prosocial behavior*, In N. Eisenberg (Ed.). The development of prosocial behavior (pp. 77 - 105), New York: Academic Press. 1982.
11. Pursell G.R., Laursen B., Rubin K.H., Booth-LaForce C. & Rose-Krasnor L., *Gender difference in patterns of association between prosocial behavior, personality and externalizing problems*. Journal of Research in Personality, 42 (2), 2.472 - 2.481, Doi: 10.1016/j.jrp.2007. 06.003, 2008.